

Bản án số: **23** /KDTM- ST
Ngày 24 tháng 12 năm 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Minh**
Bà Nguyễn Thị Doãn Thành

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc

Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai – thành phố Hà Nội

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên***

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại đã thụ lý số 24/2019/KDTM ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc: *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32a ngày 15 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131 ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V**; Trụ sở: Số 14 ngõ 46 đường T, phường Đ, quận B, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Khuất Đình T – Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Minh H – sinh năm 1979; địa chỉ: Số 15 ngõ 402 phố B, phường B, quận H, Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/8/2019(có mặt tại phiên tòa.)

- **Bị đơn: Công ty cổ phần năng lượng T**; Trụ sở: Số 913 đường G, phường G, quận H, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng Q – Chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện, được bổ sung bởi Bản tự khai, Biên bản công khai chứng cứ, nguyên đơn công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại Việt Trung trình bày như sau:

Công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại **V** (sau đây gọi là “**công ty V**”) do ông Khuất Đình T , chức vụ: giám đốc làm đại diện đã ký hợp đồng kinh tế số 03/2016/HĐKT/TAE –VT(sau đây gọi là “**hợp đồng**”) vào ngày 20/02/2016 với Công ty cổ phần năng lượng T (sau đây gọi là “ **công ty T**”) do ông Nguyễn Đăng Q , chức vụ : tổng giám đốc làm đại diện.

Theo nội dung hợp đồng này, công ty V đồng ý bán và công ty T đồng ý mua bê tông thương phẩm theo mác, chỉ tiêu kỹ thuật và các dịch vụ khác cho dự án “Công trình hỗn hợp khu nhà ở, văn phòng và Trung tâm thương mại (FLC Twin Towers)”, địa điểm : 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Đơn giá bê tông, đơn giá bơm bê tông được quy định chi tiết tại Điều 2 của hợp đồng. Hai bên cũng thỏa thuận: Giá trị cuối cùng của hợp đồng được xác định chính thức dựa trên khối lượng bê tông được hai bên ký xác nhận trong các biên bản xác nhận khối lượng và các biên bản xác nhận này là một bộ phận không tách rời của hợp đồng. Hai bên thỏa thuận về phương thức và điều kiện thanh toán hợp đồng (Điều 4) như sau : Vào ngày cuối cùng mỗi tháng hoặc khi Bên B (công ty Việt Trung) cung cấp hàng cho Bên A (công ty T) đạt hoặc gần đạt giá trị 3.000.000.000,đ (Ba tỷ đồng) tùy theo điều kiện nào đến trước trên cơ sở khối lượng cung cấp của các đợt đã được người của Bên A ký nhận, Bên B xuất hóa đơn GTGT, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 70% giá trị trên mỗi hóa đơn trong vòng 15 ngày đến 20 ngày kể từ ngày xác nhận khối lượng và Bên A đã nhận đủ chứng từ thanh toán. 30% còn lại sẽ được Bên A thanh toán vào tháng tiếp theo nhưng không quá 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ thanh toán. Hai bên cũng thỏa thuận tại mục 4.3.Điều 4 về phạt vi phạm do chậm thanh toán với mức lãi suất là 1%/tháng được tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến khi kết thúc công nợ.

Ngày 10/4/2016, công ty T và công ty V ký Phụ lục hợp đồng 01(sau đây gọi là “**phụ lục 01**”) V/v : Bổ sung mác bê tông thương phẩm (bổ sung thêm mác bê tông và đơn giá đối với mác bê tông bổ sung). Phụ lục bắt đầu có hiệu lực từ 10/4/2016 và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, việc bổ sung phụ lục hợp đồng không làm ảnh hưởng tới các điều khoản của hợp đồng, hai bên tiếp tục thực hiện các điều khoản khác theo hợp đồng kinh tế số 03/2016/HĐKT/TAE –VT ngày 20/02/2016.

Thực hiện hợp đồng số 03/2016/HĐKT/TAE –VT ngày 20/02/2016 và Phụ lục 01 công ty V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng, công ty T không có bất cứ khiếu nại nào liên quan đến chất lượng, khối lượng bê tông thương phẩm, thời gian giao hàng mà công ty V đã thực hiện. Về giá trị thực hiện theo hợp đồng : công ty V đã giao và công ty T đã nhận hàng hóa là bê tông thương phẩm và các dịch vụ khác theo hợp đồng và phụ lục 01 với tổng giá trị là: **18.138.096.500,đồng** (*Mười tám tỷ, một trăm ba mươi tám triệu, không trăm chín sáu nghìn, năm trăm đồng*). Công ty V đã phát hành đầy đủ hóa đơn GTGT kèm theo các Bảng khối lượng cấp bê tông, bơm bê tông làm cơ sở thanh toán hợp đồng.

Tuy nhiên, công ty T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 4 hợp đồng. Cụ thể : công ty T mới thanh toán được cho công ty V số tiền theo hợp đồng là: **8.053.105.000, đồng** (*Tám tỷ không trăm năm mươi ba triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng*). Số tiền công ty T còn phải thanh toán cho công ty V theo hợp đồng là : **10.084.991.500, đồng** (*Mười tỷ không trăm tám mươi tư triệu, chín trăm chín mươi một nghìn, năm trăm đồng*)

Ngày 31/12/2018, công ty V và công ty T đã ký bản xác nhận công nợ cho hợp đồng số 03/2016/HĐKT/TAE –VT ngày 20/02/2016 và Phụ lục 01 ngày 10/4/2016. Theo nội dung văn bản này, công ty T xác nhận còn nợ công ty V từ hợp đồng trên với số tiền là: **10.084.991.500, đồng** (*Mười tỷ không trăm tám mươi tư triệu chín trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng*)

Sau khi đối chiếu công nợ, công ty V đã nhiều lần yêu cầu công ty T thanh toán hết số tiền công ty T còn nợ từ hợp đồng nêu trên nhưng công ty T không thực hiện gây ra rất nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Việt Trung.

Việc Công ty cổ phần năng lượng T không trả nợ theo hợp đồng số 03/2016/HĐKT/TAE –VT ngày 20/02/2016 và Phụ lục hợp đồng 01 ngày 10/4/2016 đã ký với công ty V đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp, ảnh hưởng xấu tới quá trình kinh doanh của Công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V. Vì vậy, Công ty V đề nghị Tòa án nhân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội giải quyết :

Buộc công ty cổ phần năng lượng T phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V như sau :

1. Nợ gốc : **10.084.991.500,đồng** (Bằng chữ : *Mười tỷ không trăm tám mươi tư triệu chín trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng*).

2. Tiền phạt (lãi chậm trả) theo thỏa thuận tại hợp đồng: **3.386.005.486**, đồng
(Ba tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, không trăm không năm nghìn, bốn trăm tám mươi sáu đồng)(tính đến ngày 15/11/2019)

Tổng cộng số tiền công ty cổ phần năng lượng T phải trả ngay một lần cho công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V là :

10.084.991.500,đồng + **3.386.005.486**,đồng = **13.470.996.986**,đồng
(Mười ba tỷ, bốn trăm bảy mươi triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng)

2. Bị đơn là Công ty cổ phần năng lượng T mặc dù được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo đến Tòa án lấy lời khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án để làm việc mà chỉ có các văn bản gửi đến Tòa án theo đường bưu điện xin hoãn các buổi làm việc với lý do nhân viên nghỉ nên chưa sắp xếp được tài liệu. Do vậy Tòa án không lấy được lời khai của Công ty cổ phần năng lượng T và không tiến hành hòa giải được vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V và Công ty cổ phần năng lượng T.

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là **10.084.991.500** đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 23/12/2019 là: 3.866.723.414 đồng. Nguyên đơn rất có thiện chí với bị đơn, nếu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc, nguyên đơn có thể xem xét miễn, giảm lãi cho bị đơn.

Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Vụ án được giải quyết trong hạn luật định. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện, tham gia đầy đủ các buổi làm việc với Tòa án thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015. Bị đơn mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015.

+ Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn là **10.084.991.500**, đồng (Bằng chữ : *Mười tỷ không trăm tám mươi tư triệu chín trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng*). **Đối với yêu cầu trả nợ lãi chậm thanh toán:** Trong hợp đồng mua bán thể hiện hai bên thoả thuận tại mục 4.3 Điều 4 thì trong trường hợp thanh toán chậm, bên A có trách nhiệm trả cho bên B toàn bộ số nợ gốc và số tiền lãi được tính theo lãi suất thống nhất là 1%/tháng. Số tiền lãi bên A phải trả đối với nợ quá hạn được bắt đầu từ ngày đến hạn thanh toán cho đến khi kết thúc công nợ.

Nhận thấy: thoả thuận trong hợp đồng về lãi chậm thanh toán giữa Công ty V và Công ty T là 1%/tháng tương đương 12%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 306 Luật thương mại năm 2005. Do đó, cần thiết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán lãi chậm thanh toán từ thời điểm Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận trong hợp đồng mua bán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do thời điểm Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý vụ án, bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận Hoàng Mai nên căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[2]- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Công ty Công ty cổ phần năng lượng T mặc dù nhận được tất cả các văn bản trên nhưng cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty T theo quy định của pháp luật nhưng Công ty vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Công ty cổ phần năng lượng T không đến Tòa án làm việc cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của phía bị đơn. Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]- Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu Công ty cổ phần năng lượng T phải trả cho Công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V số tiền: **10.084.991.500**, đồng (Bằng chữ : *Mười tỷ không trăm tám mươi tư triệu chín trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng*), yêu cầu trả lãi tính đến hết ngày 23/12/2019 là: 3.866.723.414 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng kinh tế số 03/2016/HĐKT/TAE –VT ngày 20/02/2016 và Phụ lục 01 giữa Công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V với Công ty cổ phần năng lượng T ký kết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hình thức và nội dung của hợp đồng không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Các bên cũng không có yêu cầu nào khác phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2018 thì Công ty cổ phần năng lượng T còn nợ của Công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V số tiền là: **10.084.991.500**, đồng (Bằng chữ : *Mười tỷ không trăm tám mươi tư triệu chín trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng*)

Do công ty cổ phần năng lượng T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T phải trả số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phần lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn công ty V yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến hết ngày 23/12/2019 là : **3.866.723.414**, đồng (*Ba tỷ, tám trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm hai ba nghìn, bốn trăm mười bốn đồng*) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Căn cứ quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005: ‘ ‘*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*’ ’.

Căn cứ quy định tại Điều 357 – Bộ luật dân sự 2015 quy định về Trách nhiệm

do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì : “1.Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.2. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật này”

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 quy định : “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”

Theo các quy định nêu trên có căn cứ để xác định, thỏa thuận của công ty V và công ty T về việc áp dụng lãi suất 1%/tháng (tương đương với 12%/năm) đối với số tiền chậm trả được quy định tại Điều 4 hợp đồng số 03/2016/HĐKT/TAE –VT ngày 20/02/2016 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 306 Luật Thương mại, Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, số tiền gốc và lãi chậm thanh toán mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến hết ngày 23/12/2019 là:

10.084.991.500,đồng + 3.866.723.414, đồng = 13.951.714.914. đồng

(Bằng chữ : Mười ba tỷ, chín trăm năm một triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, chín trăm mười bốn đồng)

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

Do các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Phía bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn theo quy định.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, 35, 39, 147, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điều 24, 306 Luật thương mại;

- Căn cứ điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V: buộc Công ty Cổ Phần năng lượng T phải trả cho Công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V số tiền là: **10.084.991.500 đồng + 3.866.723.414 đồng = 13.951.714.914 đồng**(*Mười ba tỷ, chín trăm năm một triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, chín trăm mười bốn đồng*) ; trong đó nợ gốc theo hợp đồng là : **10.084.991.500 đồng** (*Mười tỷ không trăm tám mươi tư triệu chín trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng*); Nợ lãi do chậm thanh toán là: **3.866.723.414 đồng**(*Ba tỷ, tám trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm hai ba nghìn, bốn trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí: Công ty cổ phần năng lượng T phải chịu 121.952.000 đồng(một trăm hai một triệu chín trăm năm hai nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Công ty cổ phần bê tông xây dựng và thương mại V** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.000.000 đồng(sáu mươi triệu đồng) theo biên lai số AA/2018/0004636 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- Viện kiểm sát ND Q. Hoàng Mai
- Tòa án ND TP. Hà Nội
- Viện kiểm sát NDTP. Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

